

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>220,928,091,003</b>	<b>241,170,616,014</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>24,175,811,488</b>	<b>59,143,467,602</b>
1. Tiền	111		20,755,811,488	23,323,467,602
2. Các khoản tương đương tiền	112		3,420,000,000	35,820,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3,420,000,000</b>	<b>48,420,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3,420,000,000	48,420,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>124,628,435,362</b>	<b>87,654,758,356</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	42,154,520,336	8,225,018,642
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.5	55,798,793,841	66,276,379,077
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.11.1	26,758,121,340	13,236,360,792
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(83,000,155)	(83,000,155)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7	<b>65,428,429,658</b>	<b>42,121,233,758</b>
1. Hàng tồn kho	141		65,428,429,658	42,121,233,758
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,275,414,495</b>	<b>3,831,156,298</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	49,329,913	4,850,726
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,226,084,582	3,826,305,572
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>292,869,177,804</b>	<b>273,038,717,017</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.10	-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.11.2	-	-
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21,631,825,144</b>	<b>22,470,985,360</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	21,631,825,144	22,470,985,360
- Nguyên giá	222		29,532,040,821	29,532,040,821
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7,900,215,677)	(7,061,055,461)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>45,096,215,113</b>	<b>44,005,649,383</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		45,096,215,113	44,005,649,383
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.6	<b>226,050,000,000</b>	<b>206,450,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		205,950,000,000	205,950,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19,600,000,000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	500,000,000	500,000,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>91,137,547</b>	<b>112,082,274</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	91,137,547	112,082,274
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>513,797,268,807</b>	<b>514,209,333,031</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/03/2024	01/01/2024
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>134,744,795,766</b>	<b>140,569,609,732</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>133,482,975,771</b>	<b>139,210,201,972</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2,406,014,559	2,504,092,232
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	1,219,851,612	1,301,152,382
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	48,000,000	168,488,096
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	501,194,500	473,450,500
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	129,307,915,100	134,763,018,762
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,261,819,995</b>	<b>1,359,407,760</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	1,261,819,995	1,359,407,760
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>379,052,473,041</b>	<b>373,639,723,299</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.18	<b>379,052,473,041</b>	<b>373,639,723,299</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10,645,604,925	10,645,604,925
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68,406,868,116	62,994,118,374
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		62,994,118,374	42,392,298,050
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5,412,749,742	20,601,820,324
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>513,797,268,807</b>	<b>514,209,333,031</b>

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Người lập



NGUYỄN THỊ GIANG

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Tổng Giám Đốc



ĐƯƠNG THỊ HUỖN



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý I năm 2024

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý I/2024	Quý I/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.20	55,881,204,620	55,865,903,782
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.20</b>	<b>55,881,204,620</b>	<b>55,865,903,782</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	53,478,649,940	52,769,705,633
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>2,402,554,680</b>	<b>3,096,198,149</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	5,220,953,508	4,182,309,975
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	679,514,638	669,149,993
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		679,514,638	669,149,993
8. Chi phí bán hàng	25	VI.25	1,656,338	3,842,818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.24	1,410,888,240	1,108,635,193
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5,531,448,972</b>	<b>5,496,880,120</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.26	-	-
12. Chi phí khác	32	VI.26	1,211,794	11,496,841
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1,211,794)</b>	<b>(11,496,841)</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5,530,237,178</b>	<b>5,485,383,279</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.27	117,487,436	273,276,656
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5,412,749,742</b>	<b>5,212,106,623</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		180.42	173.74
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập

NGUYỄN THỊ GIANG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám Đốc



ĐƯƠNG THỊ HUỲNH

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

*Theo phương pháp gián tiếp*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2024

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 31/03/2024	Cho kỳ kế toán kết thức ngày 31/03/2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5,530,237,178	5,485,383,279
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	839,160,216	539,033,653
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5,220,953,508)	(4,182,309,975)
- Chi phí lãi vay	06	679,514,638	669,149,993
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	1,827,958,524	2,511,256,950
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33,394,154,860)	12,030,229,563
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23,307,195,900)	(50,258,814,679)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(272,122,539)	(22,474,813,045)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(23,534,460)	(34,961,674)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(679,514,638)	(669,149,993)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(32,222,982)	(6,441,346)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(55,880,786,855)</b>	<b>(58,902,694,224)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1,090,565,730)	(3,918,998,231)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(8,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	45,000,000,000	13,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(19,600,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	28,573,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2,156,387,898	4,320,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>26,465,822,168</b>	<b>33,974,001,769</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	61,069,270,924	99,318,943,205
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(66,621,962,351)	(84,842,424,735)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(5,552,691,427)</b>	<b>14,476,518,470</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	50	<b>(34,967,656,114)</b>	<b>(10,452,173,985)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>59,143,467,602</b>	<b>22,364,375,283</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>24,175,811,488</b>	<b>11,912,201,298</b>

Người lập



NGUYỄN THỊ GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105087537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/12/2010.

Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537, thay đổi lần thứ 09 ngày 12/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 300.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán HOSE với mã cổ phiếu: CRC.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** Công ty là sản xuất; kinh doanh thương mại và dịch vụ.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác khí đốt tự nhiên;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc sắt thép;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn đồ uống;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ đồ nông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, son, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đầu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất pin và ắc quy (Chi tiết sản xuất tấm tế bào quang điện);
- Sản xuất thiết bị điện khác (Chi tiết sản xuất thiết bị điện năng lượng mặt trời);
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học; Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất điện (trừ thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ);
- Xây dựng công trình đường bộ (Chi tiết xây dựng công trình công ích);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có trụ sở chính tại: 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2024 là 20 người (tại ngày 31/12/2023 là 20 người).

Tại thời điểm 31/03/2024, Công ty có 01 công ty con: Công ty Cổ phần Công nghệ CRC; Công ty Cổ phần Công nghệ CRC có 13 công ty con (tổng cộng 14 công ty con), cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con trực tiếp</b>					
1	Công ty Cổ phần công nghệ CRC	Hà Nội	Năng lượng	99,98%	99,98%
<b>Công ty con của Công ty cổ phần công nghệ CRC (Công ty con gián tiếp)</b>					
1	Công ty Cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần CRC Power	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
3	Công ty Cổ phần CRC Invest	Hà Nội	Năng lượng	99,00%	99,00%
4	Công ty Cổ phần Cung cấp Năng lượng điện mặt trời	Hà Nội	Năng lượng	98,00%	98,00%
5	Công ty Cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Hà Nội	Năng lượng	95,00%	95,00%
6	Công ty Cổ phần Điện Nhật Nguyên Xanh	KonTum	Năng lượng	95,00%	95,00%
7	Công ty Cổ phần Jinca Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	96,90%	96,90%
8	Công ty Cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%
9	Công ty Cổ phần Elecsun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	93,20%	93,20%
10	Công ty Cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Lâm Đồng	Năng lượng	99,50%	99,50%
11	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Năng Lượng Xanh	Hà Nội	Năng lượng	96,00%	96,00%
12	Công ty Cổ phần Năng lượng xanh Kosun	KonTum	Năng lượng	96,90%	96,90%
13	Công ty Cổ phần Resun Việt Nam	Hà Nội	Năng lượng	97,00%	97,00%

**1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước. Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2023 của Công ty.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”) cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán được Ban Tổng Giám đốc áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

### 4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.3 Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.5 Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

**Công ty con:** là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Công ty liên doanh:** là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

**Công ty liên kết:** là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**4.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp; chi phí sản xuất chung và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu của dự án xây dựng chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| ▪ Máy móc thiết bị    | 06 - 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải | 05 - 10 năm |
| ▪ Thiết bị văn phòng  | 04 năm      |

### 4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản, giá trị các công cụ dụng cụ và chi phí trả trước khác có thời gian phân bổ vào kết quả kinh doanh từ dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác được phân bổ trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### 4.12 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả và các khoản chi phí phải trả khác.

### 4.13 Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 4.14 Vốn chủ sở hữu

#### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**4.15 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**4.16 Doanh thu và thu nhập**

**a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu dịch vụ được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

**b) Các khoản thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi thanh lý các khoản đầu tư và chênh lệch tỷ giá:

***Thu nhập từ tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

***Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn***

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

***Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá***

Doanh thu từ chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

**4.17 Chi phí**

**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn của công trình xây dựng xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh liên quan trực tiếp tới việc xây dựng công trình đó.

**Chi phí tài chính**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn; Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước); lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

**4.18 Thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.19 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
Kỳ tài chính quý I kết thúc ngày 31/03/2024

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính*

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.20 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	5,255,485,834	10,716,683,712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,500,325,654	12,606,783,890
Các khoản tương đương tiền	3,420,000,000	35,820,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (i)	3,420,000,000	35,820,000,000
<b>Tổng</b>	<b>24,175,811,488</b>	<b>59,143,467,602</b>

(i) Số dư tiền tương đương tiền bao gồm:

	31/03/2024	01/01/2024
+ Ngân hàng NN và PT Nông Thôn Việt Nam- CN Hồng Hà	-	27,400,000,000
+ Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	3,420,000,000	3,420,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	-	5,000,000,000
	<b>3,420,000,000</b>	<b>35,820,000,000</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3,420,000,000</b>	<b>3,420,000,000</b>	<b>48,420,000,000</b>	<b>48,420,000,000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	3,420,000,000	3,420,000,000	48,420,000,000	48,420,000,000
<b>Dài hạn</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>	<b>500,000,000</b>
- Trái phiếu	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam (i)	500,000,000	500,000,000	500,000,000	500,000,000
<b>Tổng</b>	<b>3,920,000,000</b>	<b>3,920,000,000</b>	<b>48,920,000,000</b>	<b>48,920,000,000</b>

Trong đó:

Tiền gửi ủy thác là các bên có liên quan

-

-

Chi tiết tại thuyết minh số 7.1

(i): Số lượng 500 trái phiếu với giá mua 500.000.000 VND và kỳ hạn trái phiếu 10 năm (từ 25/12/2018 đến 25/12/2028), lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi. Toàn bộ trái phiếu đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà ( Chi tiết tại thuyết minh số 5.15).

## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

## 5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

## b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào công ty con			205,950,000,000	-	205,950,000,000	-
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	99.98%	99.98%	205,950,000,000	-	205,950,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác			19,600,000,000	-	-	-
Công ty cổ phần Năng Lượng CRC Solar (i)	2.72%	2.72%	19,600,000,000	-	-	-
Tổng			225,550,000,000	-	205,950,000,000	-

## Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

## Kỳ này

+ Công ty cổ phần Công nghệ CRC

Trong kỳ quý I.2024 đơn vị có lãi

(\*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do các khoản đầu tư này chưa niêm yết và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i): Trong kỳ, Công ty góp vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Năng Lượng CRC Solar theo Nghị quyết số 101/2024/CRC/NQ-HDQT ngày 10/01/2024 của Hội đồng quản trị.

Các giao dịch chủ yếu giữa công ty và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	10,713,250,000	-
Công ty cổ phần Công Nghệ EMP	15,602,063,005	2,286,282,005
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	1,168,913,030	1,168,913,030
UAB BALTIC GATE TERMINAL	-	2,661,482,688
Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Hà Nội	-	905,000,000
Công ty cổ phần kiến trúc nhiệt đới Việt Nam	754,629,109	-
Công ty cổ phần gốm sứ Haceco	2,468,894,982	-
Các đối tượng khác	11,446,770,210	1,203,340,919
<b>Tổng</b>	<b>42,154,520,336</b>	<b>8,225,018,642</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên có liên quan**

-

-

Chi tiết tại thuyết minh số 7.1

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công ty cổ phần sản xuất XNK Thành Nam	11,155,057,966	3,655,057,966
Công ty cổ phần XNK Nông sản GHT	25,745,401,750	43,654,262,550
Công ty cổ phần đầu tư phát triển Vicenza	407,245,121	407,245,121
Infinity Solar Technology PTE.LTD	708,194,250	-
Công ty cổ phần đầu tư CP Farm Việt Nam	15,119,106,754	16,550,831,190
Các đối tượng khác	2,663,788,000	2,008,982,250
<b>Tổng</b>	<b>55,798,793,841</b>	<b>66,276,379,077</b>

Trong đó:

**Trả trước cho người bán là các bên có liên quan**

31/03/2024

-

01/01/2024

-

**5.5 Chi phí trả trước**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49,329,913</b>	<b>4,850,726</b>
- Chi phí bảo hiểm	31,807,868	4,850,726
- Công cụ dụng cụ	17,522,045	-
<b>Dài hạn</b>	<b>91,137,547</b>	<b>112,082,274</b>
- Công cụ dụng cụ	91,137,547	108,225,191
- Chi phí trả trước khác	-	3,857,083
<b>Tổng</b>	<b>140,467,460</b>	<b>116,933,000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.6 Nợ xấu**

	31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
BELTAMOZHILIYA LTD	118,571,650	35,571,495	118,571,650	35,571,495
<b>Tổng</b>	<b>118,571,650</b>	<b>35,571,495</b>	<b>118,571,650</b>	<b>35,571,495</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm (i)	-	-	2,430,446,000	-
Hàng hoá (i)	65,428,429,658	-	39,690,787,758	-
<b>Tổng</b>	<b>65,428,429,658</b>	<b>-</b>	<b>42,121,233,758</b>	<b>-</b>

**5.8 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Yên Bái	43,903,965,293	43,865,649,383
- Dự án khu đô thị CRC	140,000,000	140,000,000
- Dự án nhà máy sản xuất pin mặt trời Đà Nẵng	1,052,249,820	-
<b>Tổng</b>	<b>45,096,215,113</b>	<b>44,005,649,383</b>

137  
 Y  
 N  
 ITA  
 M  
 P.V.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, trang thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	25,292,663,549	61,593,636	4,177,783,636	29,532,040,821
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	25,292,663,549	61,593,636	4,177,783,636	29,532,040,821
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	5,272,958,594	25,167,297	1,762,929,570	7,061,055,461
Khấu hao trong kỳ	624,893,040	3,849,603	210,417,573	839,160,216
Tăng khác	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2024	5,897,851,634	29,016,900	1,973,347,143	7,900,215,677
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2024	20,019,704,955	36,426,339	2,414,854,066	22,470,985,360
Tại ngày 31/03/2024	19,394,811,915	32,576,736	2,204,436,493	21,631,825,144

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại ngày 31/03/2024 là 2.160.433.503. đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.334.447.591 đồng).

**5.10 Phải thu khác ngắn hạn**

	31/03/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tạm ứng	16,825,965,672	6,142,315,672
- Ông Nguyễn Quang Huy(i)	11,825,965,672	1,142,315,672
- Ông Đặng Quốc Đăng (i)	5,000,000,000	5,000,000,000
Phải thu khác	9,932,155,668	7,094,045,120
- Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu	27,434,959	57,124,411
- Cổ tức được phân phối	9,904,720,709	7,036,920,709
<b>Tổng</b>	<b>26,758,121,340</b>	<b>13,236,360,792</b>

Trong đó:

**Phải thu khác là bên có liên quan**

9,904,720,709

7,036,920,709

Chi tiết tại thuyết minh số 7.1

(i): Khoản tạm ứng tiền san lấp nhà máy pin mặt trời Yên Bái

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2,406,014,559</b>	<b>2,406,014,559</b>	<b>2,504,092,232</b>	<b>2,504,092,232</b>
Công ty TNHH Công trình Cơ điện Airsun VN	1,481,214,056	1,481,214,056	1,481,214,056	1,481,214,056
Công ty TNHH DVTM Phan Anh	484,437,619	484,437,619	484,437,619	484,437,619
Wuxi Prima Technology Co.,Ltd	387,816,000	387,816,000	387,816,000	387,816,000
Các đối tượng khác	52,546,884	52,546,884	150,624,557	150,624,557
<b>Tổng</b>	<b>2,406,014,559</b>	<b>2,406,014,559</b>	<b>2,504,092,232</b>	<b>2,504,092,232</b>
Trong đó:				
<b>Phải trả người bán là các bên có liên quan</b>		-		-

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/03/2024
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,134,587,158	117,487,436	32,222,982	1,219,851,612
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	166,565,224	4,211,794	170,777,018	-
<b>Tổng</b>	<b>1,301,152,382</b>	<b>121,699,230</b>	<b>203,000,000</b>	<b>1,219,851,612</b>

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2023	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48,000,000</b>	<b>168,488,096</b>
Chi phí trích trước lãi vay ngân hàng	-	120,488,096
Chi phí khác	48,000,000	48,000,000
<b>Tổng</b>	<b>48,000,000</b>	<b>168,488,096</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>817,219,709</b>	<b>817,219,709</b>
Bảo hiểm xã hội	27,744,000	-
Phải trả, phải nộp khác	473,450,500	473,450,500
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<i>395,450,500</i>	<i>395,450,500</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>78,000,000</i>	<i>78,000,000</i>
<b>Tổng</b>	<b>501,194,500</b>	<b>473,450,500</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.15 Vay và nợ thuê tài chính	31/03/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh trong kỳ (VND)		Số có khả năng trả nợ
			Tăng	Giảm	
<b>Vay</b>					
<b>Vay ngắn hạn</b>	128,917,564,040	128,917,564,040	61,069,270,924	66,524,374,586	134,372,667,702
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình {1}	88,934,568,040	88,934,568,040	53,679,270,924	52,763,907,386	88,019,204,502
+ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hồng Hà {2}	39,982,996,000	39,982,996,000	7,390,000,000	7,373,467,200	39,966,463,200
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công {4}	-	-	-	6,387,000,000	6,387,000,000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	390,351,060	390,351,060	97,587,765	97,587,765	390,351,060
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	312,351,060	312,351,060	78,087,765	78,087,765	312,351,060
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân {3}	78,000,000	78,000,000	19,500,000	19,500,000	78,000,000
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	129,307,915,100	129,307,915,100	61,166,858,689	66,621,962,351	134,763,018,762
<b>Vay dài hạn</b>	1,261,819,995	1,261,819,995	-	97,587,765	1,359,407,760
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng {5}	1,017,819,995	1,017,819,995	-	78,087,765	1,095,907,760
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	244,000,000	244,000,000	-	19,500,000	263,500,000
<b>Tổng</b>	<b>130,569,735,095</b>	<b>130,569,735,095</b>	<b>61,166,858,689</b>	<b>66,719,550,116</b>	<b>136,122,426,522</b>

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn**

{1} Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Mỹ Đình

Hợp đồng TDHM số 01/2023/8353501/HĐTD ngày 05/06/2023; Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày giải ngân

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo GCNQSD số CK557223 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo GCNQSD số CN467786 thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm; 750.000 Cổ phiếu của Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam thuộc sở hữu của ông Mai Anh Tâm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 104/140 Khuất Duy Tiến, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

**a. Vay (Tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Tiếp theo)

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà

Hợp đồng tín dụng số 12601.LAV2023 ngày 30/08/2023; Thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân

Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CQ 666984 của bà Trần Thị Thu Hiền; Tài sản gắn liền với đất của Công ty cổ phần Gạch Ngói Vĩnh Phúc; 500 Trái phiếu Agribank mang tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam với tổng giá trị là 500.000.000 đồng.

{3} Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân

Khoản vay dài hạn; Thời hạn vay là 60 tháng; Lãi suất 11% cho năm đầu tiên; Tài sản thế chấp: Xe honda City RS BKS 30K-286.47, giá trị còn lại của xe tại ngày 31/03/2024 là 474.889.930 đồng.

{4} Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công

Hợp đồng tín dụng số 01/23/CTD/8172535 ngày 25/09/2023; Thời hạn vay là 4-6 tháng kể từ ngày giải ngân

Tài sản thế chấp: Hợp đồng tiền gửi tên Công ty cổ phần Create Capital Việt Nam số 01/2023/8172535/HĐTG ngày 18/12/2023.

Chi tiết các khoản vay ngân hàng (Tiếp theo)

{5} Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Trần Duy Hưng

Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/2021/0494 ngày 02/04/2021 và Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDHP/2021/0658 ngày 28/04/2021; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất thả nổi.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Xpander BKS: 30G-966.76 và Xe ô tô Ford Transit BSK: 29B-317.13, giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024 lần lượt là 239.810.335 đồng và 279.909.212 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 806400301157 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/TC/806400301157 ngày 08/08/2022; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất thả nổi.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Mitsubishi BKS: 29B-622.58, giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024 là: 421.107.897 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 806400311830 ngày 10/01/2023 và hợp đồng thế chấp số SHBVN/TDHP/HĐTC/2023/806400311830 ngày 10/01/2023; Thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất 10.9%/năm.

Tài sản thế chấp: Xe ô tô Vinfast VF8 BKS: 30K-101.79, giá trị còn lại tại ngày 31/03/2024 là: 744.716.129 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.16 Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	300,000,000,000	-	10,645,604,925	42,470,298,050	353,115,902,975
Tăng vốn (*)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	20,601,820,324	20,601,820,324
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS	-	-	-	(78,000,000)	(78,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 01/01/2024</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>10,645,604,925</b>	<b>62,994,118,374</b>	<b>373,639,723,299</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	5,412,749,742	5,412,749,742
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thù lao trả HĐQT và BKS (*)	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/03/2024</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>10,645,604,925</b>	<b>68,406,868,116</b>	<b>379,052,473,041</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
	<i>Tổng số</i>	
Ông Mai Anh Tâm	20,000,000,000	20,000,000,000
Ông Mai Anh Đức	14,044,800,000	14,044,800,000
Các cổ đông khác	265,955,200,000	265,955,200,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>300,000,000,000</b>	<b>300,000,000,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	31/03/2024	Năm 2023
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	300,000,000,000	300,000,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	300,000,000,000	300,000,000,000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d. Cổ phiếu**

	31/03/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	30,000,000
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	10,645,604,925	10,645,604,925

**5.17 Các khoản mục ngoại bảng****Ngoại tệ các loại**

	31/03/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	10.806,67	126.155,58



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
<b>Tổng cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>55,881,204,620</b>	<b>55,865,903,782</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	55,503,204,620	55,865,903,782
Doanh thu cung cấp dịch vụ	378,000,000	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>55,881,204,620</b>	<b>55,865,903,782</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Chi tiết tại thuyết minh số 7.1		

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	52,853,756,900	52,769,705,633
Giá vốn cung cấp dịch vụ	624,893,040	-
Giá vốn hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Tổng</b>	<b>53,478,649,940</b>	<b>52,769,705,633</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền vay	272,391,021	63,309,975
Cổ tức được chia	4,942,800,000	4,119,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,762,487	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Tổng</b>	<b>5,220,953,508</b>	<b>4,182,309,975</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Chi phí lãi vay	679,514,638	669,149,993
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
<b>Tổng</b>	<b>679,514,638</b>	<b>669,149,993</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)**

**6.5 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1,656,338</b>	<b>3,842,818</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1,656,338	3,842,818
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1,410,888,240</b>	<b>1,108,635,193</b>
Chi phí nhân viên	587,156,235	511,264,167
Chi phí công cụ quản lý	18,894,705	27,717,970
Chi phí khấu hao TSCĐ	206,926,266	189,342,655
Thuế, phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499,307,959	370,397,408
Chi phí khác bằng tiền	95,603,075	6,912,993
<b>Tổng</b>	<b>1,412,544,578</b>	<b>1,112,478,011</b>

**6.6 Thu nhập khác và chi phí khác**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
<b>Thu nhập khác</b>	-	-
Các khoản khác	-	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>1,211,794</b>	<b>11,496,841</b>
Chi phí khác	1,211,794	11,496,841
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (Thuần)</b>	<b>(1,211,794)</b>	<b>(11,496,841)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Quý I năm nay	Quý I năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	117,487,436	273,276,656
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>117,487,436</b>	<b>273,276,656</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,530,237,178	5,485,383,279
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>(4,942,800,000)</u>	<u>(4,119,000,000)</u>
Cổ tức được chia	4,942,800,000	4,119,000,000
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ kỳ trước</b>	<b>587,437,178</b>	<b>1,366,383,279</b>
Lỗ kỳ trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	587,437,178	1,366,383,279
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	117,487,436	273,276,656
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của kỳ này</i>	-	-
<b>Tổng</b>	<b>117,487,436</b>	<b>273,276,656</b>

**6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I năm nay VND	Quý I năm trước VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (VND)</b>	<b>5,412,749,742</b>	<b>5,212,106,623</b>
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>5,412,749,742</b>	<b>5,212,106,623</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	30,000,000	30,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>180.42</b>	<b>173.74</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

### Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024

#### 7 THÔNG TIN KHÁC

##### 7.1 Thông tin về các bên liên quan

##### a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

		Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
		VND	VND
Tiền lương và phụ cấp			
<i>Thù lao Hội Đồng Quản Trị</i>		-	
<i>Thù lao ban kiểm soát</i>		28,380,556	22,111,111
<i>Tiền lương và phụ cấp của Ban giám đốc</i>		126,239,667	25,340,000
<b>Tổng cộng</b>		<b>154,620,223</b>	<b>47,451,111</b>
		Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
		VND	VND
Họ và tên	Chức danh		
<b>Hội đồng quản trị</b>		-	-
Ông Mai Anh Tâm	Chủ tịch HĐQT	-	-
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>28,380,556</b>	<b>22,111,111</b>
Bà Phạm Thị Huệ	Trưởng Ban kiểm soát	28,380,556	22,111,111
<b>Ban Tổng Giám Đốc</b>		<b>90,839,667</b>	<b>25,340,000</b>
Bà Dương Thị Huyền	Tổng Giám đốc	47,466,667	25,340,000
Bà Vũ Thị Thùy	Phó Tổng Giám đốc	43,373,000	-

Công ty con, công ty liên kết, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết tại Công ty, các thành viên thân cận trong gia đình của Ban Quản trị được nhận biết là các bên liên quan của Công ty.

Các bên được nhận biết là các bên có liên quan với Công ty trong kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2024 gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần công nghệ CRC	Công ty con
Công ty CP Đầu tư phát triển thương mại SHP	Bên liên quan của Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG	BLQ của TV HĐQT từ ngày 09/04/2022
Công ty CP CRC Invest	Công ty con
Công ty cổ phần CRC Power	Công ty con
Công ty cổ phần Canadian Solar Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Jinca Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Vinasolar Bảo Lộc	Công ty con
Công ty cổ phần cung cấp năng lượng điện mặt trời	Công ty con
Công ty cổ phần Vinasolar Đồng Tháp	Công ty con
Công ty CP Điện Nhật Nguyên Xanh	Công ty con
Công ty cổ phần xây lắp điện Lâm Đồng	Công ty con
Công ty cổ phần Elecsun Việt Nam	Công ty con



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**  
**Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 31/03/2024**

Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng năng lượng xanh	Công ty con
Công ty cổ phần Năng Lượng Xanh Kosun	Công ty con
Công ty cổ phần Resun Việt Nam	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc	Thành viên chủ chốt
Ông Mai Anh Đức	Thành viên thân cận của CT HĐQT

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/03/2024 VND	31/03/2023 VND
Công ty CP Công Nghệ CRC	Công ty con	Cổ tức phân phối	4,942,800,000	4,119,000,000
	o	Chuyển tiền cổ tức	2,075,000,000	4,346,000,000

**c. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khác</b>		<b>9,904,720,709</b>	<b>7,036,920,709</b>
Công ty cổ phần Công nghệ CRC	Công ty con	9,904,720,709	7,036,920,709

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2023 kết thúc ngày 31/03/2023.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ GIANG

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THÚY NGA

Tổng Giám Đốc




DƯƠNG THỊ HUYỀN

